

LI  
H



CK.0000077484

VĂN HỌC NGHỆ THUẬT VIỆT NAM  
QUẬT CÁC DÂN TỘC THIỂU SỐ VIỆT NAM

SẦM VĂN BÌNH

XỞ PHI HƯƠNG  
(CÚNG GIA TIÊN)



NHÀ XUẤT BẢN HỘI NHÀ VĂN



LIÊN HIỆP CÁC HỘI VĂN HỌC NGHỆ THUẬT VIỆT NAM  
HỘI VĂN HỌC NGHỆ THUẬT CÁC DÂN TỘC THIỂU SỐ VIỆT NAM

**SÂM VĂN BÌNH**

*Sưu tầm, biên dịch, giới thiệu*

**XỬ PHÍ HƯƠNG  
(CÚNG GIA TIÊN)**

**NHÀ XUẤT BẢN HỘI NHÀ VĂN**



**ĐỀ ÁN BẢO TỒN, PHÁT HUY GIÁ TRỊ  
TÁC PHẨM VĂN HỌC, NGHỆ THUẬT  
CÁC DÂN TỘC THIỂU SỐ VIỆT NAM**

**Cố vấn Ban Chỉ đạo:** Nhà thơ Hữu Thịnh

Chủ tịch Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam

**BAN CHỈ ĐẠO**

1. Nhà văn Tùng Diễm (Trần Quang Diễm) *Trưởng ban*
2. Nhà nghiên cứu, TS. Đoàn Thanh Nô *Phó Trưởng ban*
3. TS. Trịnh Thị Thủy *Phó Trưởng ban*
4. Nhạc sĩ Nông Quốc Bình *Ủy viên kiêm Giám đốc*
5. GS.TS. Nguyễn Xuân Kính *Ủy viên*
6. PGS.TS. Lâm Bá Nam *Ủy viên*
7. ThS. Vũ Công Hội *Ủy viên*
8. ThS. Phạm Văn Trường *Ủy viên*
9. ThS. Nguyễn Nguyên *Ủy viên*
10. ThS. Nguyễn Ngọc Bích *Ủy viên*

**Giám đốc**

**Nhạc sĩ Nông Quốc Bình**



## LỜI GIỚI THIỆU

**Ủ**y ban toàn quốc Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam là tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, thành viên của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, mái nhà chung của các Hội Văn học nghệ thuật cả nước. Liên hiệp gồm 74 tổ chức thành viên với trên 45.000 hội viên là văn nghệ sĩ thuộc các Hội Văn học nghệ thuật chuyên ngành Trung ương và các Hội Văn học nghệ thuật tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, trong đó có Hội Văn học nghệ thuật các Dân tộc thiểu số Việt Nam.

Trải qua gần 25 năm hình thành và phát triển, đến nay Hội Văn học nghệ thuật các Dân tộc thiểu số Việt Nam đã có hơn một nghìn hội viên, trong đó gần 600 hội viên là người dân tộc thiểu số hoạt động tại 34 tổ chức cơ sở và các chi hội, tỉnh thành hội trong cả nước. Trong giai đoạn từ năm 1999 đến nay, được sự quan tâm của Đảng và Nhà nước, đã có hàng nghìn công trình, tác phẩm văn học, nghệ thuật các dân tộc thiểu số Việt Nam được sưu tầm, nghiên cứu, biên dịch, sáng tạo.

Bộ sách này là một phần của Đề án “Bảo tồn, phát huy giá trị tác phẩm văn học, nghệ thuật các dân tộc thiểu số Việt Nam”, với mục tiêu là thực hiện chính sách dân tộc của Đảng, Nhà nước nhằm bảo tồn, phát huy giá trị tác phẩm văn học, nghệ thuật các dân tộc thiểu số Việt Nam; quảng bá di sản văn hóa các dân tộc thiểu số Việt Nam với bạn bè thế giới; góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc và xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc, thúc đẩy tiến trình đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế; bổ sung nguồn tài liệu phục vụ công tác giảng dạy, nghiên cứu, trao đổi, giao lưu và phát triển văn hóa giữa các tộc người, nhân dân trong và ngoài nước, với cộng đồng quốc tế.

Bộ sách là kết quả từ kho tài liệu hàng nghìn công trình, tác phẩm đã được nghiên cứu, sưu tầm, biên dịch, sáng tạo qua nhiều thế hệ tác giả, nghệ nhân, hội viên của Hội Văn học nghệ thuật các Dân tộc thiểu số Việt Nam.

Trong quá trình thực hiện bộ sách, Ban Chỉ đạo mong nhận được góp ý của quý bạn đọc gần xa.

TM. BAN CHỈ ĐẠO  
TRƯỞNG BAN

Nhà văn Tùng Điền

*Phó Chủ tịch Thường trực*

*Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam*



## LỜI NÓI ĐẦU

**M**iền núi Nghệ An có thể là một trong những nơi được coi là quê hương lâu đời của người Thái. Một số nhà nghiên cứu đặt vấn đề như vậy vì họ căn cứ vào dấu vết người vượn ở hang Thẩm Ôm (Quỳ Châu) cách đây khoảng 20 vạn năm; di chỉ khảo cổ ở làng Vạc, xóm Đình, Cồn Kho, Mồ Vạn (Nghĩa Đàn), mà các nhà khảo cổ học gọi là Văn hóa Sơn Vi, cách đây trên dưới một vạn rưỡi năm; ở Quế Phong, Quỳ Châu, Quỳ Hợp, Tân Kỳ, Con Cuông, Tương Dương có dấu vết văn hóa Hòa Bình; ở hang Hoong Cồn, Piêng Pồ (Quỳ Hợp) có dấu vết Văn hóa Bắc Sơn, cách đây khoảng bảy nghìn năm; các di chỉ Hang Hồ, Mái Đá Hồ, trống đồng Tân Thắng, Tam Hợp, Tân Xuân, Châu Lộc... ở Quỳ Hợp; di chỉ làng Vạc ở Nghĩa Đàn... thuộc Văn hóa đồ đồng Đông Sơn thời Vua Hùng. Phải chăng trong số đó có di chỉ tổ tiên của người Thái?

Theo sách “Các dân tộc ít người ở Việt Nam” của Viện Dân tộc học, NXB Khoa học xã hội, HN, 1978; người Thái có mặt ở Việt Nam cách ngày nay khoảng 1.000 năm. Đợt thiên di lớn nhất vào Việt

Nam là khoảng đầu Thiên niên kỷ thứ 2 của Công Nguyên; bắt đầu là ngành Thái Trắng, tiếp theo là Thái Đen và các ngành khác. Vào Việt Nam, đầu tiên họ cư trú ở Tây Bắc, sau đó một số qua Lào, vào Nghệ An; một số qua Hòa Bình, Thanh Hóa vào Nghệ An; chia làm nhiều đợt, cho đến tận đầu Thế kỷ XX. Người Thái vào Nghệ An sống tập trung dọc theo trục đường Quốc lộ số 48, từ các huyện Quế Phong, Quỳnh Châu, Quỳnh Hợp, đến Nghĩa Đàn, Quỳnh Lưu; và trục đường Quốc lộ số 7, từ các huyện Kỳ Sơn, Tương Dương, Con Cuông đến Anh Sơn, Tân Kỳ. Người Thái ở Nghệ An gồm có 3 nhóm chính: a) Tay Mường, Tay Chiêng, Tay Dọ, b) Tay Thanh, c) Tay Mười... Người Thái ở Nghệ An có 303.822 người (Theo số liệu của Ban Dân tộc Miền núi Nghệ An, tính đến ngày 30/6/2009), chiếm 69,39% tổng số cư dân các dân tộc ít người ở Nghệ An. Nghệ An cũng là tỉnh có số dân Thái đông thứ 2, chỉ sau tỉnh Sơn La. Tiếng Thái là ngôn ngữ thống nhất trong cộng đồng người Thái. Người Thái có chữ viết từ thế kỷ thứ 6, ở Nghệ An gọi là Lai Tay, Lai Pao.

Trong tâm thức dân gian Thái, đấng siêu nhiên quyết định cuộc đời và số phận mỗi người là Pò Then, Pò Phạ (Ông Then, Ông Trời). Pò Then cai quản các Then ở Mường Then, Mường Trời; cai quản các Thần sông núi, ruộng nương, phân hồn và phân